

**BỘ CÔNG AN
CÔNG AN TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 2294/CAT-CSQLHC

Bắc Giang, ngày 21 tháng 5 năm 2025

V/v đơn đốc thực hiện tham gia ý
kiến sửa đổi Hiến pháp năm 2013
trên ứng dụng VNeID

Kính gửi:

- Các sở, ban, ngành, đoàn thể;
- Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố.

Ngày 14/5/2025, UBND tỉnh ban hành Công văn số 2846/UBND-KGVX về việc tuyên truyền, vận động cán bộ, Nhân dân tham gia đóng góp ý kiến dự thảo sửa đổi Hiến pháp năm 2013 trên ứng dụng VNeID¹, trong đó: Yêu cầu các đơn vị, địa phương tuyên truyền, chỉ đạo 100% cán bộ công chức, viên chức, lao động hợp đồng, thân nhân trong gia đình và người thân, tham gia ý kiến đối với dự thảo sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp năm 2013 qua ứng dụng VNeID (**xong trước ngày 20/5/2025**); vận động 100% công dân trên địa bàn hoàn thành tham gia ý kiến góp ý Hiến pháp qua VneID **xong trước ngày 29/5/2025**. Tuy nhiên, qua theo dõi: Kết quả toàn tỉnh đã vận động tham gia góp ý 121.289/1.080.256 chỉ tiêu, đạt 11,23%. Một số cơ quan, đơn vị chưa tuyên truyền, hướng dẫn cán bộ, công chức, viên chức tham gia ý kiến theo yêu cầu; một số đơn vị cấp huyện, xã chưa đơn đốc, huy động các ngành, các cấp vào tuyên truyền, vận động dẫn đến kết quả triển khai còn thấp, cụ thể:

(1) Cấp huyện: **Thị xã Việt Yên** tham gia góp ý 6.176/114.141 chỉ tiêu đạt 5,41%; **huyện Lạng Giang** tham gia góp ý 8.815/148.901 chỉ tiêu đạt 5,92%; **huyện Lục Nam** tham gia góp ý 8.525/133.235 chỉ tiêu đạt 6,40%;

(2) Cấp xã: **Xã Tiên Sơn**, thị xã Việt Yên thực hiện 70/7.224 chỉ tiêu đạt 0,97%; **xã Liên Chung**, huyện Tân Yên thực hiện 42/3.834 chỉ tiêu đạt 1,10%; **xã Hữu Sắn**, huyện Sơn Động thực hiện 19/1.534 chỉ tiêu đạt 1,23%; **xã Bình Sơn**, huyện Lục Nam thực hiện 63/3.639 chỉ tiêu đạt 1,73%; **xã Trường Sơn**, huyện Lục Nam thực hiện 68/3.614 chỉ tiêu đạt 1,88%.

Để đảm bảo thực hiện nghiêm túc chỉ đạo của UBND tỉnh, đạt kết quả theo yêu cầu, Công an tỉnh trân trọng đề nghị các đơn vị, địa phương tập trung chỉ đạo thực hiện những nội dung sau:

¹ Giao Công an tỉnh (Cơ quan Thường trực tiểu ban Đề án 06) chủ trì theo dõi, đơn đốc và tổng hợp kết quả thực hiện nhiệm vụ đối với các sở, cơ quan theo chỉ đạo của UBND tỉnh.

1. Khẩn trương quán triệt, thông tin, tuyên truyền để cán bộ, công chức, viên chức và thân nhân trên địa bàn tham gia ý kiến đối với dự thảo sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp năm 2013 qua ứng dụng VNeID.

Thông kê danh sách cán bộ của đơn vị mình đã tham gia (*gồm các thông tin Họ và tên; năm sinh; địa chỉ, ngày tham gia ý kiến*) gửi về Công an tỉnh (qua thư điện tử: TCTDA06@bacgiang.gov.vn hoặc số Zalo 0983472266, đ/c Nguyễn Mạnh Hùng, Phòng Cảnh sát QLHC về TTXH) trước **ngày 24/5/2025**; Công an tỉnh sẽ tham mưu tổ chức **kiểm tra, phúc tra, đối chiếu danh sách của các đơn vị**; đơn vị nào thực hiện không nghiêm túc, Công an tỉnh sẽ báo cáo, đề xuất UBND tỉnh xem xét trách nhiệm người đứng đầu đơn vị, địa phương theo quy định.

2. UBND các huyện, thị xã, thành phố duy trì họp, giao ban, kiểm việc thực hiện các nhiệm vụ của Đề án 06/CP hàng tuần, trong đó: Tập trung đôn đốc, đẩy nhanh tiến độ tham gia góp ý của người dân sửa đổi Hiến pháp qua VNeID; cấp định danh tổ chức cho cơ quan, đơn vị, tổ chức (**xong trước ngày 29/5/2025**). Công an tỉnh sẽ tổ chức làm việc, đôn đốc với các đơn vị chậm chuyển biến, đạt kết quả thấp.

3. Đề nghị các đơn vị được phân công nhiệm vụ: Sở Giáo dục và đào tạo; Ban quản lý các khu công nghiệp; Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh; Tỉnh đoàn, Hội phụ nữ tỉnh; Báo Bắc Giang, Đài phát thanh và Truyền hình tỉnh đẩy mạnh công tác triển khai, thực hiện các nhiệm vụ được phân công, báo cáo kết quả về UBND tỉnh **trước ngày 03/6/2025**.

Công an tỉnh trân trọng đề nghị các cơ quan, đơn vị, địa phương quan tâm chỉ đạo, tổ chức quán triệt, triển khai thực hiện nghiêm túc, hiệu quả. /.

Nơi nhận: *Ph*

- Như trên;
- Đ/c Mai Sơn, PCTTT UBND tỉnh; | (để b/cáo);
- Đ/c Giám đốc;
- Lưu: VT, QLHC.



Đại tá Thân Văn Duy

Phụ lục
THỐNG KÊ TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN GÓP Ý DỰ THẢO HIẾN PHÁP
(Kèm theo Công văn số 2294 /CAT ngày 21/5/2025 của Tổ ĐA06 Công an tỉnh)

ST T	Phường, xã	Huyện	Góp ý Hiến pháp			
			Chỉ tiêu	Đã góp ý	Tỷ lệ	Còn lại
1	Xã Hương Lâm	H. Hiệp Hòa	6837	371	5,43%	6466
2	TT. Thắng	H. Hiệp Hòa	12775	2376	18,60%	10399
3	Xã Đồng Tiến	H. Hiệp Hòa	5878	1398	23,78%	4480
4	Xã Đông Lỗ	H. Hiệp Hòa	10683	425	3,98%	10258
5	Xã Ngọc Sơn	H. Hiệp Hòa	7055	676	9,58%	6379
6	Xã Danh Thắng	H. Hiệp Hòa	5168	245	4,74%	4923
7	Xã Mai Trung	H. Hiệp Hòa	10097	876	8,68%	9221
8	Xã Hùng Thái	H. Hiệp Hòa	6707	1485	22,14%	5222
9	Xã Xuân Cẩm	H. Hiệp Hòa	6294	1587	25,21%	4707
10	Xã Lương Phong	H. Hiệp Hòa	11053	471	4,26%	10582
11	Xã Châu Minh	H. Hiệp Hòa	4934	240	4,86%	4694
12	Xã Hoàng Vân	H. Hiệp Hòa	8357	986	11,80%	7371
13	Xã Mai Đình	H. Hiệp Hòa	7964	251	3,15%	7713
14	Xã Sơn Thịnh	H. Hiệp Hòa	10403	1680	16,15%	8723
15	Xã Hợp Thịnh	H. Hiệp Hòa	8469	305	3,60%	8164
16	TT. Bắc Lý	H. Hiệp Hòa	9270	1629	17,57%	7641
17	Xã Đoàn Bái	H. Hiệp Hòa	9038	691	7,65%	8347
18	Xã Toàn Thắng	H. Hiệp Hòa	2975	610	20,50%	2365
19	Xã Thường Thắng	H. Hiệp Hòa	5836	365	6,25%	5471
20	TT. Vôi	H. Lạng Giang	12704	1216	9,57%	11488
21	Xã Xương Lâm	H. Lạng Giang	6020	350	5,81%	5670
22	TT. Kép	H. Lạng Giang	8502	621	7,30%	7881
23	Xã Hương Sơn	H. Lạng Giang	10804	675	6,25%	10129
24	Xã Nghĩa Hòa	H. Lạng Giang	5976	477	7,98%	5499
25	Xã Nghĩa Hưng	H. Lạng Giang	4368	208	4,76%	4160
26	Xã An Hà	H. Lạng Giang	6688	413	6,18%	6275
27	Xã Quang Thịnh	H. Lạng Giang	7071	395	5,59%	6676
28	Xã Tân Hưng	H. Lạng Giang	8185	589	7,20%	7596

29	Xã Đại Lâm	H. Lạng Giang	4361	288	6,60%	4073
30	Xã Tân Thanh	H. Lạng Giang	7041	451	6,41%	6590
31	Xã Mỹ Thái	H. Lạng Giang	6197	275	4,44%	5922
32	Xã Tân Đình	H. Lạng Giang	8936	422	4,72%	8514
33	Xã Đào Mỹ	H. Lạng Giang	6148	125	2,03%	6023
34	Xã Xuân Hương	H. Lạng Giang	8868	566	6,38%	8302
35	Xã Thái Đào	H. Lạng Giang	6641	209	3,15%	6432
36	Xã Hương Lạc	H. Lạng Giang	11414	803	7,04%	10611
37	Xã Dương Đức	H. Lạng Giang	5207	440	8,45%	4767
38	Xã Tiên Lục	H. Lạng Giang	13770	292	2,12%	13478
39	Xã Đông Hưng	H. Lục Nam	5286	1166	22,06%	4120
40	TT. Phương Sơn	H. Lục Nam	4678	657	14,04%	4021
41	Xã Vô Tranh	H. Lục Nam	6124	329	5,37%	5795
42	Xã Bảo Đài	H. Lục Nam	5468	136	2,49%	5332
43	Xã Khám Lạng	H. Lục Nam	3843	147	3,83%	3696
44	TT. Đồi Ngô	H. Lục Nam	11638	473	4,06%	11165
45	Xã Đông Phú	H. Lục Nam	6224	189	3,04%	6035
46	Xã Lục Sơn	H. Lục Nam	4214	362	8,59%	3852
47	Xã Nghĩa Phương	H. Lục Nam	8550	193	2,26%	8357
48	Xã Bình Sơn	H. Lục Nam	3639	63	1,73%	3576
49	Xã Bắc Lũng	H. Lục Nam	4710	563	11,95%	4147
50	Xã Huyền Sơn	H. Lục Nam	3245	95	2,93%	3150
51	Xã Tam Dị	H. Lục Nam	9426	335	3,55%	9091
52	Xã Lan Mẫu	H. Lục Nam	5495	2168	39,45%	3327
53	Xã Bảo Sơn	H. Lục Nam	9166	195	2,13%	8971
54	Xã Chu Điện	H. Lục Nam	6232	313	5,02%	5919
55	Xã Trường Sơn	H. Lục Nam	3614	68	1,88%	3546
56	Xã Cẩm Lý	H. Lục Nam	7200	233	3,24%	6967
57	Xã Trường Giang	H. Lục Nam	1676	85	5,07%	1591
58	Xã Yên Sơn	H. Lục Nam	7018	273	3,89%	6745
59	Xã Đan Hội	H. Lục Nam	3031	188	6,20%	2843
60	Xã Thanh Lâm	H. Lục Nam	6818	146	2,14%	6672
61	Xã Tiên Nha	H. Lục Nam	2560	69	2,70%	2491
62	Xã Cương Sơn	H. Lục Nam	3380	79	2,34%	3301

63	Xã Đồng Cốc	H. Lục Ngạn	4257	91	2,14%	4166
64	Xã Tân Hoa	H. Lục Ngạn	4466	956	21,41%	3510
65	Xã Tân Quang	H. Lục Ngạn	6616	1090	16,48%	5526
66	Xã Tân Lập	H. Lục Ngạn	5147	247	4,80%	4900
67	Xã Giáp Sơn	H. Lục Ngạn	6454	718	11,12%	5736
68	Xã Kim Sơn	H. Lục Ngạn	1629	352	21,61%	1277
69	Xã Phú Nhuận	H. Lục Ngạn	3171	1739	54,84%	1432
70	Xã Phong Vân	H. Lục Ngạn	3388	186	5,49%	3202
71	Xã Hộ Đáp	H. Lục Ngạn	2981	179	6,00%	2802
72	Xã Tân Sơn	H. Lục Ngạn	5511	1468	26,64%	4043
73	Xã Tân Mộc	H. Lục Ngạn	3846	128	3,33%	3718
74	Xã Đèo Gia	H. Lục Ngạn	3388	716	21,13%	2672
75	Xã Biên Sơn	H. Lục Ngạn	5550	373	6,72%	5177
76	TT. Biển Động	H. Lục Ngạn	5600	1734	30,96%	3866
77	Xã Phong Minh	H. Lục Ngạn	1878	103	5,48%	1775
78	Xã Sa Lý	H. Lục Ngạn	1997	888	44,47%	1109
79	Xã Cẩm Sơn	H. Lục Ngạn	3240	148	4,57%	3092
80	TT. Phì Điền	H. Lục Ngạn	3305	437	13,22%	2868
81	Xã Sơn Hải	H. Lục Ngạn	2757	548	19,88%	2209
82	P. Trù Hựu	TX. Chũ	6704	1351	20,15%	5353
83	Xã Nam Dương	TX. Chũ	5919	511	8,63%	5408
84	Xã Mỹ An	TX. Chũ	4347	176	4,05%	4171
85	P. Thanh Hải	TX. Chũ	10674	631	5,91%	10043
86	Xã Quý Sơn	TX. Chũ	10620	895	8,43%	9725
87	Xã Kiên Thành	TX. Chũ	6313	2193	34,74%	4120
88	P. Hồng Giang	TX. Chũ	6527	796	12,20%	5731
89	Xã Kiên Lao	TX. Chũ	4598	602	13,09%	3996
90	P. Chũ	TX. Chũ	10466	3480	33,25%	6986
91	P. Phượng Sơn	TX. Chũ	7357	1099	14,94%	6258
92	Xã Hữu Sản	H. Sơn Động	1543	19	1,23%	1524
93	Xã Cẩm Đàn	H. Sơn Động	2429	433	17,83%	1996
94	Xã Đại Sơn	H. Sơn Động	3595	1041	28,96%	2554
95	Xã Vân Sơn	H. Sơn Động	1898	170	8,96%	1728
96	Xã Yên Định	H. Sơn Động	3152	127	4,03%	3025
97	Xã An Bá	H. Sơn Động	2493	263	10,55%	2230
98	Xã Lệ Viễn	H. Sơn Động	2311	91	3,94%	2220

99	Xã Vĩnh An	H. Sơn Động	5107	227	4,44%	4880
100	Xã Tuấn Đạo	H. Sơn Động	3620	390	10,77%	3230
101	Xã An Lạc	H. Sơn Động	2549	694	27,23%	1855
102	Xã Giáo Liêm	H. Sơn Động	1949	88	4,52%	1861
103	TT. An Châu	H. Sơn Động	6407	802	12,52%	5605
104	Xã Dương Hưu	H. Sơn Động	3538	1030	29,11%	2508
105	Xã Long Sơn	H. Sơn Động	3551	115	3,24%	3436
106	Xã Thanh Luận	H. Sơn Động	1944	165	8,49%	1779
107	Xã Phúc Sơn	H. Sơn Động	937	92	9,82%	845
108	TT. Tây Yên Tử	H. Sơn Động	3223	1076	33,39%	2147
109	Xã Việt Ngọc	H. Tân Yên	5837	2880	49,34%	2957
110	Xã Ngọc Lý	H. Tân Yên	4420	207	4,68%	4213
111	Xã Phúc Hòa	H. Tân Yên	3553	700	19,70%	2853
112	Xã Ngọc Thiện	H. Tân Yên	8701	870	10,00%	7831
113	Xã Quang Trung	H. Tân Yên	7585	166	2,19%	7419
114	Xã Tân Trung	H. Tân Yên	4535	1809	39,89%	2726
115	Xã Lam Sơn	H. Tân Yên	8392	1297	15,46%	7095
116	TT. Cao Thượng	H. Tân Yên	8026	949	11,82%	7077
117	Xã Liên Chung	H. Tân Yên	3834	42	1,10%	3792
118	Xã Liên Sơn	H. Tân Yên	3083	147	4,77%	2936
119	Xã An Dương	H. Tân Yên	3892	111	2,85%	3781
120	Xã Ngọc Châu	H. Tân Yên	4248	1750	41,20%	2498
121	Xã Quế Nham	H. Tân Yên	4951	419	8,46%	4532
122	Xã Hợp Đức	H. Tân Yên	4979	2333	46,86%	2646
123	Xã Cao Xá	H. Tân Yên	5506	626	11,37%	4880
124	Xã Việt Lập	H. Tân Yên	5781	1071	18,53%	4710
125	Xã Ngọc Vân	H. Tân Yên	5614	725	12,91%	4889
126	TT. Nhã Nam	H. Tân Yên	4657	461	9,90%	4196
127	Xã Song Vân	H. Tân Yên	6182	213	3,45%	5969
128	Xã Đồng Vương	H. Yên Thế	3804	202	5,31%	3602
129	Xã Đồng Kỳ	H. Yên Thế	7207	249	3,45%	6958
130	Xã Xuân Lương	H. Yên Thế	4315	1737	40,25%	2578
131	TT. Phồn Xương	H. Yên Thế	6352	408	6,42%	5944

132	Xã Canh Nậu	H. Yên Thế	4504	1116	24,78%	3388
133	Xã Đồng Tâm	H. Yên Thế	1916	222	11,59%	1694
134	Xã Đồng Lạc	H. Yên Thế	2906	251	8,64%	2655
135	Xã Tân Sỏi	H. Yên Thế	3266	143	4,38%	3123
136	Xã Tam Tiến	H. Yên Thế	4933	467	9,47%	4466
137	Xã Hương Vĩ	H. Yên Thế	4019	223	5,55%	3796
138	Xã Tiến Thắng	H. Yên Thế	3538	375	10,60%	3163
139	Xã Đồng Hưu	H. Yên Thế	3591	127	3,54%	3464
140	Xã Tân Hiệp	H. Yên Thế	5584	2369	42,42%	3215
141	TT. Bó Hạ	H. Yên Thế	7238	591	8,17%	6647
142	Xã An Thượng	H. Yên Thế	3106	711	22,89%	2395
143	Xã Đồng Tiến	H. Yên Thế	3193	146	4,57%	3047
144	Xã Đông Sơn	H. Yên Thế	5660	776	13,71%	4884
145	P. Tân Tiến	TP. Bắc Giang	7415	1168	15,75%	6247
146	P. Đình Kế	TP. Bắc Giang	10693	884	8,27%	9809
147	Xã Quỳnh Sơn	TP. Bắc Giang	3856	1080	28,01%	2776
148	P. Nội Hoàng	TP. Bắc Giang	3628	287	7,91%	3341
149	P. Cảnh Thụy	TP. Bắc Giang	3494	705	20,18%	2789
150	Xã Trí Yên	TP. Bắc Giang	2460	253	10,28%	2207
151	P. Đình Trì	TP. Bắc Giang	7684	466	6,06%	7218
152	P. Thọ Xương	TP. Bắc Giang	11711	725	6,19%	10986
153	P. Đa Mai	TP. Bắc Giang	4661	403	8,65%	4258
154	P. Tân An	TP. Bắc Giang	6502	486	7,47%	6016
155	P. Nham Biền	TP. Bắc Giang	11042	2145	19,43%	8897
156	P. Mỹ Độ	TP. Bắc Giang	3445	288	8,36%	3157
157	Xã Xuân Phú	TP. Bắc Giang	4175	1130	27,07%	3045
158	Xã Đức Giang	TP. Bắc Giang	5439	473	8,70%	4966
159	P. Đồng Sơn	TP. Bắc Giang	6839	407	5,95%	6432
160	P. Trần Phú	TP. Bắc Giang	14165	773	5,46%	13392
161	Xã Lãng Sơn	TP. Bắc Giang	3646	305	8,37%	3341
162	Xã Đồng Phúc	TP. Bắc Giang	5121	438	8,55%	4683
163	P. Tân Mỹ	TP. Bắc Giang	9017	639	7,09%	8378
164	P. Song Khê	TP. Bắc Giang	4000	508	12,70%	3492
165	P. Xương Giang	TP. Bắc Giang	6728	475	7,06%	6253
166	Xã Đồng Việt	TP. Bắc Giang	3785	1277	33,74%	2508
167	Xã Tư Mại	TP. Bắc Giang	5511	272	4,94%	5239

168	P. Tân Liễu	TP. Bắc Giang	3175	538	16,94%	2637
169	P. Song Mai	TP. Bắc Giang	7618	328	4,31%	7290
170	P. Tiên Phong	TP. Bắc Giang	5076	643	12,67%	4433
171	P. Hoàng Văn Thụ	TP. Bắc Giang	9441	952	10,08%	8489
172	Xã Yên Lư	TP. Bắc Giang	10241	2825	27,59%	7416
173	P. Ngô Quyền	TP. Bắc Giang	16769	1372	8,18%	15397
174	P. Hương Gián	TP. Bắc Giang	4490	551	12,27%	3939
175	Xã Tiến Dũng	TP. Bắc Giang	3695	752	20,35%	2943
176	Xã Minh Đức	TX. Việt Yên	8145	234	2,87%	7911
177	P. Hồng Thái	TX. Việt Yên	5789	641	11,07%	5148
178	P. Vân Trung	TX. Việt Yên	4347	144	3,31%	4203
179	P. Tụ Lạn	TX. Việt Yên	5484	1022	18,64%	4462
180	Xã Hương Mai	TX. Việt Yên	5838	194	3,32%	5644
181	P. Bích Động	TX. Việt Yên	10268	540	5,26%	9728
182	P. Tăng Tiến	TX. Việt Yên	5515	333	6,04%	5182
183	P. Nénh	TX. Việt Yên	11379	814	7,15%	10565
184	P. Quang Châu	TX. Việt Yên	6434	137	2,13%	6297
185	Xã Thượng Lan	TX. Việt Yên	6074	125	2,06%	5949
186	Xã Trung Sơn	TX. Việt Yên	7126	437	6,13%	6689
187	P. Ninh Sơn	TX. Việt Yên	5716	141	2,47%	5575
188	Xã Nghĩa Trung	TX. Việt Yên	6577	636	9,67%	5941
189	Xã Vân Hà	TX. Việt Yên	5454	115	2,11%	5339
190	Xã Tiên Sơn	TX. Việt Yên	7224	70	0,97%	7154
191	P. Quảng Minh	TX. Việt Yên	6581	449	6,82%	6132
192	Xã Việt Tiến	TX. Việt Yên	6190	144	2,33%	6046
Tổng			1.080.256	121278	11,23%	958978